**TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN CỪ**

**NGỮ VĂN LỚP 7- HỌC KÌ II**

**TUẦN 26 (20/4-25/4/2020)**

**VĂN BẢN**

**SỐNG CHẾT MẶC BAY**

**(Phạm Duy Tốn)**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://www.youtube.com/watch?v=gcFHEZrfO8c>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Tìm hiểu chung**

**1. Tác giả: SGK/79**

- Phạm Duy Tốn (1883- 1924), quê: PhượngVũ - Thường Tín - Hà Tây (nay thuộc Hà Nội)

- Là một trong số ít người có thành tựu đầu tiên về thể loại truyện ngắn hiện đại.

**2. Tác phẩm**

- Xuất xứ: Văn bản “Sống chết mặc bay” là truyện ngắn thành công nhất của ông trích trong *“Truyện ngắn Nam Phong”*, số 18 - 1918.

- Thể loại: Truyện ngắn hiện đại.

- Bố cục:3 phần

+ Phần 1: “Từ đầu....khúc đê này hỏng mất”: Nguy cơ vỡ đê và sự chống đỡ của người dân.

+ Phần 2 : “Ấy, lũ con dân … Điếu, mày!: Cảnh quan phủ cùng nha lại đánh tổ tôm.

+ Phần còn lại : Cảnh đê vỡ, nhân dân lâm vào tình cảnh thảm sầu.

**II. Tìm hiểu chi tiết văn bản**

**1. Hai hình ảnh tương phản trong truyện**

**a*.* Cảnh người dân hộ đê**

- Thời gian: Gần 1 giờ đêm (thời điểm khuya khoắt, càng làm tăng thêm sự khó khăn trong khi mọi người đều đã mệt nhọc)

- Mưa gió tầm tã, không dứt và ngày càng to.

- Nước sông Nhị Hà lên to quá. Nước cuồn cuộn bốc lên.

- Đê núng thế lắm, hai ba đoạn đã thẩm lậu (nước rò rỉ qua các kẻ hở thấm qua thân đê)

- Không khí, cảnh hộ đê: nhốn nháo, căng thẳng (tiếng gọi, tiếng trống..)

- Đê vỡ: dân chúng sống cảnh màn trời chiếu đất, khổ sở lầm than.

=> Sự bất lực của con người trước sức trời, sự yếu kém của thế đê trước sức nước.

**b.** **Cảnh quan phụ mẫu và bọn nha lại**

-Địa điểm: Đình cao, rất vững chãi, đê vỡ cũng không việc gì.

- Quang cảnh: tĩnh mịch, trang nghiêm, nhàn nhã, đường bệ, nguy nga, có kẻ hầu người hạ.

- Đê vỡ: quan ù ván bài to, cười hả hê mãn nguyện.

=> Một niềm vui tàn bạo của kẻ lòng lang dạ sói.

**2. Tác dụng của phép tăng cấp**

**a. Cảnh người dân hộ đê**

- Mưa mỗi lúc một nhiều hơn.

- Nước sông mỗi lúc dâng cao hơn.

- Âm thanh mỗi lúc càng ầm ĩ.

- Sức người ngày càng đuối và nguy cơ vỡ đê ngày càng cao.

- Trời vẫn mưa ầm ầm

- Cuối cùng đê vỡ, nhà trôi, lúa ngập, kẻ sống, người chết…

**b. Cảnh quan phụ mẫu và bọn nha lại**

- Sự ham mê cờ bạc và thái độ vô trách nhiệm của tên quan phủ ngày một tăng.

- Nhiệm vụ của quan là đi hộ đê mà chỉ lo đánh bài.

- Khi người dân vào báo đê vỡ thì vẫn thờ ơ, quát nạt và tiếp tục đánh bài cho đến lúc ù ván bài to.

=> Phép tương phản xen kẽ tăng cấp: lên án gay gắt tên quan phủ “Lòng lang dạ thú” bày tỏ niềm thương cảm người dân trước cảnh thiên tai, bất bình về thái độ vô trách nhiệm của kẻ cầm quyền.

**3*.* Giá trị của tác phẩm**

- Giá trị hiện thực: Phản ánh sự đối lập của cuộc sống người dân và cuộc sống của bọn quan lại.

- Giá trị nhân đạo: Thể hiện niềm thương cảm của tác giả trước cuộc sống lầm than cớ cực của người dân do thiên tai và thái độ vô trách nhiệm…

- Giá trị nghệ thuật: Kết hợp hai biện pháp nghệ thuật tương phản và tăng tiến, ngôn ngữ khá sinh động, câu văn sáng gọn.

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật:**

-Xây dựng tình huống tương phản-tăng cấp và kết thúc bất ngờ.

-Lựa chọn ngôi kể khách quan

-Lựa chọn ngôn ngữ kể, tả, khắc họa chân dung nhân vật sinh động

**2. Nội dung: Ghi nhớ (SGK/ 83, học thuộc)**

**IV. Luyện tập**

**Câu 1:** Em hãy giải thích ý nghĩa nhan đề “*Sống chết mặc bay”*?

**Câu 2:** Nét đặc sắc nghệ thuật của truyện “*Sống chết mặc bay”* là nghệ thuật tăng cấp.

Em hãy tìm một số chi tiết có sử dụng nghệ thuật tăng cấp? (gợi ý: cảnh dân hộ đê – quan đánh bài, đê vỡ - quan ù to)./.

**TIẾNG VIỆT**

**LIỆT KÊ**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://www.youtube.com/watch?v=llDPubkXlME>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Thế nào là phép liệt kê:**

**1. VD sgk/104.**

*Bên cạnh ngài, mé tay trái , bát yến hấp đường phèn, để trong khay khảm, khói bay nghi ngút: tráp đồi mồi chữ nhật để mở, trong ngăn bạc đầy những trầu vàng, cau đậu , rễ tía, hai bên nào ống thuốc bạc , nào đồng hồ vàng, nào dao chuối ngà, nào ống vôi chạm , ngoáy tai, ví thuốc, quản bút, tăm bông trông mà thích mắt***.**

- Cấu tạo : kết cấu tương tự nhau.

- Ý nghĩa : cùng chỉ những đồ vật bày biện chung quanh quan lớn.

- Tác dụng : làm nổi bật sự xa hoa của viên quan, đối lập với tình cảnh dân phu đang hộ đê.

**=>** Phép liệt kê.

 **2. Ghi nhớ 1: học thuộc trong sgk/105**

 **II. Các kiểu liệt kê.**

 **1. Vd sgk/105.**

 **Ví dụ 1:**

1. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả ***tinh thần , lực lượng, tính mạng , của cải*** để giữ vững quyền tự do , độc lập ấy.
2. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả ***tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải*** để giữ vững quyền tự do , độc lập ấy.

*( Hồ Chí Minh )*

 **\*Về cấu tạo:**

- Câu a không có sử dụng từ «  và » **=>** ***liệt kê không theo từng cặp.***

- Câu b có sử dụng từ « và » => ***liệt kê theo từng cặp* .**

 **Ví dụ 2:**

1. ***Tre, nứa, trúc, mai, vầu*** mấy chục loại khác nhau , nhưng cùng một mầm non măng mọc thẳng.
2. Tiếng Việt của chúng ta phản ánh sự ***hình thành và trưởng thành*** của xã hội Việt Nam và của dân tộc Việt Nam , của tập thể nhỏ là ***gia đình , học hàng, làng xóm*** và của tập thể lớn là dân tộc và quốc gia

 **\* Về ý nghĩa.**

- Câu a có thể thay đối thứ tự => ***Liệt kê không tăng tiến****.*

- Câu b không thể thay đổi thứ tự được vì các bộ phận liệt kê có sự tăng tiến về ý nghĩa =>**Liệ*t kê tăng tiến***.

**2. Ghi nhớ 2 : học thuộc trong sgk**

**III. Luyện tập**

***Bài tập 1***

Phép liệt kê trong bài “***Tinh thần yêu nước của nhân dân ta***”

-Sức mạnh của lòng yêu nước : *nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.*

- Lòng tự hào về những vị anh hùng dân tộc : *Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo ....*

- Sự đồng tâm nhất trí của mọi tầng lớp nhân dân đứng lên chống giặc : *Từ cụ già đến nhi đồng, từ kiều bào đến đồng bào vùng tạm chiếm, từ nhân dân miền ngược đến … miền xuôi, từ bộ đội ngoài mặt trận đến công chức, từ những phụ nữ … đến bà mẹ … , từ nam nữ … đến đồng bào điền chủ.*

- Nhiệm vụ của chúng ta : *giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo.*

***Bài tập 2***

a/ - Dưới lòng đường, trên vỉa hè, trong cửa tiệm. Những cu li xe kéo tay phóng cật lực, đôi bàn chân trần giẫm lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng; những quả dưa hấu bổ phanh đỏ lòm lòm; những xâu lạp xưởng lủng lẳng dưới mái hiên các hiệu cơm; cái rốn của một chú khách trưng ra giữa trời; một viên quan uể oải bước ra, tay phe phẩy cái quạt, ngực đeo tấm Bắc Đẩu bội tinh hình chữ thập.

b/ Phép liệt kê gồm : điện giật, dùi đâm, dao cắt, lửa nung.

***Bài tập 3***

Viết một đoạn văn ngắn tả một số hoạt động trên sân trường em vào giờ ra chơi. Trong đoạn văn có sử dụng phép liệt kê**.**

**TIẾNG VIỆT**

**DẤU CHẤM LỬNG, DẤU CHẤM PHẨY VÀ DẤU GẠCH NGANG**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://www.youtube.com/watch?v=N_wFDlOOJgs>

 <https://www.youtube.com/watch?v=F4mcO-D49Ag>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Dấu chấm lửng.**

 - Tỏ ý còn nhiều vị anh hùng dân tộc nữa chưa được liệt kê.

- Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói của nhân vật do quá mệt và hoảng sợ.

- Làm giãn nhịp câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện bất ngờ của tấm bưu thiếp.

**II. Dấu chấm phẩy.**

- Dùng để đánh dấu ranh giới giữa hai vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp.

- Dùng để ngăn cách các bộ phận trong phép liệt kê phức tạp, giúp người đọc hiểu được các bộ phận, các tầng bậc ý trong liệt kê.

**LƯU Ý:**

- Không thể thay dấu chấm phẩy bằng dấu phẩy.Vì dấu phẩy đã được dùng để ngăn cách các bộ phận đồng chức.

- dấu chấm phẩy được dùng kết hợp với dấu phẩy: Dấu phẩy dùng để ngăn cách các thành phần đồng chức trong từng bộ phận liệt kê, còn dấu chấm phẩy được dùng để phân giới các bộ phận liệt kê trong phép liệt kê chung

**III. Dấu gạch ngang.**

**1. Công dụng của dấu gạch ngang.**

\* VD: (sgk) sgk trang 129/130

a.🡪 đánh dấu bộ phận giải thích.

b.🡪 đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

c.🡪 dùng để liệt kê các công dụng của dấu chấm lửng.

d.🡪 dùng để nối các bộ phận trong liên danh (tên ghép)

\* Ghi nhớ1: (sgk/130)

**2. Phân biệt dấu gạch ngang và dấu gạch nối.**

\* VD:

a. I-li-a Ê-ren- bua là nhà văn nổi tiếng của Liên Xô.

b. Người xứ Gru-di-a ca tụng khí trời của núi cao.

c. Thủ đô Pa-ri tráng lệ, kiều diễm.

🡪 dùng để nối các tiếng trong tên riêng nước ngoài gồm nhiều tiếng.

- Dấu gạch nối ngắn hơn dấu gạch ngang.

**IV. Luyện tập. GỢI Ý**

**BÀI TẬP 1,2 SGK/ 122-123**

**1. Bài 1:**

a. dùng để biểu thị lời nói bị ngắc ngứ, đứt quãng do sợ hãi, lúng túng.

b/

c/

**2. Bài 2:**

Dấu chấm phẩy dùng để ngăn cách các bộ phận của câu ghép có cấu tạo phức tạp.

**BÀI TẬP 1,2 SGK/ 130-1131**

**1. Bài 1:**

a, b: đánh dấu bộ phận giải thích.

c/

d/

**2. Bài 2:**

Dấu gạch nối dùng để nối các tiếng trong tên riêng nước ngoài.

**BÀI TẬP THÊM**

 Viết đoạn văn nói về ***Tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong thời bình hiện nay.***. Trong đó có sử dụng dấu chấm lửng, dấu chấm phẩy, dấu gạch ngang.

*- Cô chúc các em học tập hiệu quả -*

**TẬP LÀM VĂN**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://www.youtube.com/watch?v=OPdVNT8rFRI&t=402s>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Đặc điểm của văn bản đề nghị**

**1. Ví dụ:** SGK/124-125

- Hai văn bản này đều dùng hình thức giấy đề nghị.

- Viết giấy đề nghị nhằm mục đích đề nghị giải quyết một sự việc.

+ Văn bản 1: Đề nghị với cô giáo chủ nhiệm cho sơn lại bảng.

+ Văn bản 2: Đề nghị UBND phư­ờng giải quyết việc lấn chiếm đất trái phép của một số gia đình làm ảnh hư­ởng đến vệ sinh môi tr­ờng.

- Nội dung và hình thức 2 văn bản trên nêu vấn đề rất cụ thể (theo các mục ai đề nghị, đề nghị nơi nào giải quyết, đề nghị điều gì).

**=>** Văn bản đề nghị được tạo lập để gửi lên các cấp có thẩm quyền để nêu ý kiến của cá nhân hay tập thể về một nhu cầu, quyền lợi chính đáng của cá nhân hay tập thể đó.

**2. Ghi nhớ 1: SGK/126 (học thuộc)**

**II. Cách làm văn bản đề nghị**

**1. Tìm hiểu cách làm văn bản đề nghị**

- Trình bày theo thứ tự: Ai đề nghị, đề nghị với ai, đề nghị giải quyết việc gì, đề nghị để làm gì.

- Giống nhau ở cách trình bày các mục như­ng khác nhau ở nội dung trình bày sự việc cụ thể.

- Cách trình bày: Trang trọng, ngắn gọn theo các mục quy định.

**2. Dàn mục một văn bản đề nghị**

- Quốc hiệu, tiêu ngữ

- Địa điểm viết đơn, thời gian

- Tên văn bản

- Nơi nhận

- Người (tổ chức đề nghị)

- Nêu sự việc, lí do, ý kiến đề nghị

- Người viết kí tên ghi tên

**3. L­ưu ý:** Xem SGK/126

**4. Ghi nhớ 2: SGK/126 (học thuộc)**

**III. Luyện tập**

**1. So sánh lí do viết đơn và lí do viết đề nghị.**

- Giống nhau:

+ Đều viết theo các mục quy định.

+ Đều đề đạt nhu cầu, quyền lợi chính đáng.

- Khác nhau:

+ Đơn: nguyện vọng của một cá nhân.

+ Đề nghị: nhu cầu của cả tập thể.

**VĂN BẢN BÁO CÁO**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://www.youtube.com/watch?v=eChgefymLGM>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Đặc điểm của văn bản báo cáo**

**1. Ví dụ:** SGK/133-134

- Mục đích: Trình bày về tình hình, sự việc và các kết quả đạt được của một cá nhân hay một tập thể.

- Nội dung: Báo cáo của ai? Báo cáo với ai? Báo cáo về việc gì? Kết quả như thế nào?

- Trình bày: trang trọng, sáng sủa, rõ ràng

**II. Cách làm văn bản báo cáo**

**1. Tìm hiểu cách làm văn bản báo cáo**

- Khi viết văn bản báo cáo cần ghi rõ: Báo cáo của ai? Báo cáo với ai? Báo cáo về việc gì? Kết quả như thế nào?

**2. Dàn mục của văn bản báo cáo**

- Quốc hiệu, tiêu ngữ.

- Địa điểm viết đơn, thời gian

- Tên báo cáo

- Nơi nhận báo cáo

- Người, tính chất, tập thể viết báo cáo.

- Lí do, sự việc, kết quả đạt được

- Kí tên.

**3. Lưu ý:** Xem SGK/135

**4. Ghi nhớ: SGK/ 136 (học thuộc)**

**III. Luyện tập**

**1. Nêu và phân tích các lỗi cần tránh khi viết văn bản báo cáo**

- Trình bày không trang trọng, rõ rang.

- Thiếu mục hoặc không đảm bảo các mục.

- Nội dung báo cáo chung chung, thiếu số lượng cụ thể.

*Cô chúc các em học tập hiệu quả -*